TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Trúc.
2. Bà Hoàng Thị Sen.

- Thư ký phiên toà: Ông Nhâm Đình Mạnh - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HS ngày 16/12/2021 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T - (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 23 tháng 6 năm 1986, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Ngọc M - sinh năm 1961 và bà Trần Thị L - sinh năm 1960. Đều trú tại: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ: Vũ Thị D - sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Con: Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Không.

Tiền sư: Bị cáo có 01 tiền sự. Quyết định số 37/QĐ – TA ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B về áp dụng xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn 12 tháng. Đến ngày 13/6/2020 Đỗ Văn T chấp hành xong trở về địa phương, tính đến ngày phạm tội chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2021. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào cai. Có mặt tại phiên tòa

- Bị hại :

1. Anh Đặng Văn L - sinh năm 1966, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Anh Thào A K - sinh năm 1992, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. Anh Bùi Văn P - sinh năm 1988, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

4. Chị Vũ Thị L - sinh Năm 1980, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Cả 04 bị hai trên đều vắng mặt và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi liên quan:** Anh Đỗ Trung V - sinh năm 1995, tại huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau :

Từ ngày 04/10/2021 đến ngày 07/10/2021, bị can Đỗ Văn T đã liên tiếp thực hiện 03 lần trộm cắp điện thoại di động của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 04/10/2021, Đỗ Văn T đến nhà Đặng Văn L, sinh năm 1966, trú tại thôn B, xã C, huyện B để xem bắt cá. Đỗ Văn T đi vào trong nhà anh L nhìn thấy ở trên tủ gỗ tại phòng khách có 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen, quan sát không có ai ở đó. Đỗ Văn T nảy sinh ý định trộm cắp và đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh L đem đến cửa hàng điện thoại của Đỗ Trung V thuộc thôn K, xã B, huyện B, bán cho anh V với giá 700.000 đồng, số tiền này Đỗ Văn T đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 06/10/2021, Đỗ Văn T đến lán công nhân tại khu vực thu gom sắn thuộc thôn M, xã C, huyện B gặp Thào A K để xin hút thuốc lào. Đỗ Văn T đi vào trong lán không có ai và nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động có chữ Redmi 9A màu đen đang sạc pin. Đỗ Văn T đã trộm cắp chiếc điện thoại trên, mang đến cửa hàng điện thoại của Đỗ Trung V bán với giá 300.000 đồng, số tiền này Đỗ Văn T đã tiêu xài cá nhân hết. Còn đối với Đỗ Trung V, sau khi mua được chiếc điện thoại trên đã bán cho một khách hàng không biết tên, tuổi và địa chỉ với giá 350.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 07/10/2021, Đỗ Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24B3 - 019.06 đi từ nhà tại thôn T, xã T đến lán công trình xây dựng trạm điện thuộc thôn B, xã C, huyện B thì nhìn thấy trên giường ngủ tập thể của công nhân có 01 chiếc điện thoại Oppo màu hồng của anh Bùi Văn P và 01 điện thoại Sam Sung màu vàng của chị Vũ Thị L. Đỗ Văn T nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại trên và đã trộm cắp 02 chiếc điện thoại cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi xuống thôn K, xã B. Trên đường đi, Đỗ Văn T mở chiếc ốp của điện thoại của anh Bùi Văn P thì phát hiện có 350.000 đồng. Sau

đó, Đỗ Văn T bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh Đỗ Trung V được 450.000 đồng. Tổng số tiền bán điện thoại và tiền trong ốp điện thoại là 800.000 đồng, Đỗ Văn T đã tiêu xài hết 590.000 đồng, còn lại 210.000 đồng.

Quá trình điều tra cơ quan Điều Tra đã thu giữ của Đỗ Trung V: 03 điện thoại di động (01 điện thoại Oppo F3 màu hồng; 01 điện thoại Sam Sung J2 Prime màu vàng; 01 điện thoại Oppo A1K màu đen) và đã trả lại cho các bị hại.

- Thu giữ của Đỗ Văn T: 01 xe mô tô biển kiểm soát 24B3 - 019.06, 01 điện thoại Vivo Y35 màu xanh, tiền Việt Nam: 210.000 đồng; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng C đều mang tên Đỗ Văn T. Đã trả lại cho bị cáo T 01 xe mô tô biển kiểm soát 24B3 - 019.06, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng C. Trả lại cho anh Đỗ Trung V số tiền 210.000 đồng. Còn lại điện thoại Vivo Y35 màu xanh của bị cáo T, chuyển cơ quan thi hành án quản lý.

Kết luận định giá tài sản 14/KL.HĐĐG ngày 13/10/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện B kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (là tài sản của anh Đặng Văn L), có giá trị 800.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (là tài sản của anh Thào A K) có giá trị 600.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Prime màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng (là tài sản của chị Vũ Thị L) có giá trị 400.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3 màu hồng, đã qua sử dụng (là tài sản của anh Bùi Văn P) có giá trị 500.000 đồng.

Tổng giá trị 04 chiếc điện thoại là 2.300.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án là 2.300.000 + 350.000 đồng = 2.650.000 đồng.

Cáo trạng số 54/CT - VKS ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dung hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Cơ quan Điều tra đã trả lại 01 điện thoại Oppo F3 cho anh Bùi Văn P, 01 điện thoại Sam Sung cho chị Vũ Thị L và 01 điện thoại Oppo A1K cho anh Đặng Văn L. Trả lại cho bị cáo T chiêc xe mô tô biển kiểm soát 24A -

01906 và 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C. Còn lại 01 chiếc điện thoại Vivo Y35 màu xanh thu giữ của bị cáo, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo T phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại Redmi 9A là 600.000 đồng cho Thào A K.

Còn những bị hại đã được nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, anh Bùi Văn P và người có quyền lợi liên quan anh Đỗ Trung V cho bị cáo số tiền còn lại, nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Đỗ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Đỗ Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, chỉ trong thời gian ngắn từ ngày 04 đến ngày 07/10/2021 bị cáo lén lút, liên tục thực hiện 03 lần trộm cắp, chiếm đoạt được 04 chiếc điện thoại di động và số tiền 350.000 đồng của người khác. Tuy mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt được đều dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự và những lần thực hiện hành vi chiếm đoạt đó chưa có lần nào bị xử phạt hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt hành chính. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt trong 03 lần là 2.650.000đ *(hai triệu sáu trăm, năm mười nghìn đồng)* đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Nên đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội. Bị cáo T là người có nhân thân xấu có tiền sự, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định của tại điểm h,s khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và ông ngoại bị cáo có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được nhà nước tặng huân chương hạng ba.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng và các tài sản thu giữ gồm: 03 chiếc điện thoại di động đã thu giữ được, cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại cho các bị hại là Đặng Văn L, anh Bùi Văn P, chị Vũ Thị L; 01 xe mô tô biển kiểm soát 24A - 01906 và 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C thu giữ của bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sử hữu là đúng quy định của pháp luật. 01 chiếc điện thoại Vivo Y35 là tài sản thuộc quyến sở hữu của bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 210.000 đồng là tiền bị cáo T bán tài sản trộm cắp cho anh V mà có, cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh V là phù hợp.

[4] Về bồi thường dân sự: Anh Đặng Văn L và chị Vũ Thị L đã nhận được tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Còn anh Bùi Văn P cho bị cáo số tiền 350.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt, anh Đỗ Trung V cho bị cáo T số tiền còn lại 1.540.000 đồng trong số tiền anh bỏ ra mua và sửa điện thoại của bị cáo, nên không giải quyết. Anh Thào A K yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho anh trị giá chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt là 600.000 đồng là có căn cứ. Cần buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường cho anh Thào A K số tiền 600.000 đ *(sáu trăm nghìn đồng)*.

[5] Về vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với Đỗ Trung V là người đã mua 04 chiếc điện thoại do bị cáo T trộm cắp mà có, nhưng anh V không biết đó là tài sản trộm cắp, nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 08/10/2021.

3. Về xử lý tài sản đã tạm giữ: Tạm giữ của bị cáo Đỗ Văn T 01 chiếc điện thoại Vivo Y35 để đảm bảo thi hành án.

4. Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường cho anh Thào A K số tiền 600.000 đ *(sáu trăm nghìn đồng)*.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tổng cộng bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí là 500.000 đ *(năm trăm nghìn đồng)*

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; các bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (4);

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Trúc **Hoàng Thị Sen** **Ngô Đức Quang**